

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 99/2020/HS-ST
Ngày: 28/9/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa bà **Trương Thị Tuyết Linh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Nguyễn Văn Máy**

2/ Ông: **Lê Hoài Phong**

Thư ký phiên tòa ông **Nguyễn Thành Phục** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2020/TLST- HS ngày 31 tháng 8 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-HS ngày 09/9/2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **LÊ VĂN T** ; Sinh năm: 1988, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp QT, xã TH, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng ; Trình độ văn hóa: 9/12 ; dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam.

Con ông: Lê Văn K (1956) và bà Dương Thị U (1954)

Vợ: Lê Thị T1 (1995). Con có 01 người sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 16/5/2020. Tạm giam ngày 19/5/2020.

2/ Họ và tên: **NGUYỄN MINH T2** ; Sinh năm: 1995, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp HB, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Nghề nghiệp: Làm thuê ; Trình độ văn hóa: 6/12 ; dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam.

Con ông: Nguyễn Văn H (1962 chết) và bà Trần Kim P (1970)

Vợ: Võ Thị Huỳnh N (1995) . Bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 16/5/2020. Tạm giam ngày 19/5/2020.

(Hai bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thị Bé S ; sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã ĐĐ - CT- Tiền Giang

2/ Nguyễn Văn N1 ; sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp MĐ, xã ML, huyện CL - Tiền Giang.

Người làm chứng:

1/ Huỳnh Thanh T3 ; sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã KS, huyện CT- Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 15/5/2020, Lê Văn T đến nhà của Nguyễn Minh T2, tọa lạc ấp HB, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Trên đường đi, T gặp Nguyễn Thanh K1, sinh năm 1987 ngụ ấp T, xã ĐĐ huyện CT, tỉnh Tiền Giang cùng đối tượng tên M (không rõ họ và địa chỉ) và cả ba đi đến nhà T2. Tại đây, T, T2, K1 và M ngồi nói chuyện khoảng 21 giờ cùng ngày, K1 đưa cho T 200.000đồng và kêu T đi mua ma túy về sử dụng. Lúc này, T rủ T2 cùng đi đến nhà của đối tượng tên thường gọi là BC tại ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang để mua ma túy thì được T2 đồng ý. T2 lấy xe mô tô hai bánh biển số 63B9-362.73 của K1 chở T đi. Đến nơi, T2 dừng xe bên ngoài, T vào mua ma túy qua khe cửa nhà của BC với số tiền 200.000đồng, sau đó T cầm ma túy tay trái rồi cùng T2 đi về. Khi đến đoạn đường thuộc ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thì bị lực lượng Công an chặn dừng xe để kiểm tra. Do hoảng sợ nên T đã ném bịch ma túy xuống chân cầu gần bờ sông nhưng bị lực lượng Công an phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đồng thời thu giữ vật chứng gồm:

- 01 gói niêm phong bên trong có 01 gói ny lon được hàn kín có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp, bên ngoài có chữ ký ghi họ, tên Lê Văn T, Nguyễn Minh T2 và Huỳnh Thanh T3.

- 01 xe mô tô hai bánh biển số 63B9-362.73.

- 01 điện thoại di động mặt sau có chữ OPPO và 01 điện thoại di động có chữ WIKO.

Tại bản kết luận giám định số 108/KLGD-PC09 ngày 18/5/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự công an tỉnh Tiền Giang kết luận: Các mẫu tinh thể màu trắng trong một gói ny lon màu trắng được hàn kín, để trong một bì thư màu trắng được niêm phong có chữ ký ghi họ tên: Lê Văn T, Nguyễn Minh T2 và Huỳnh Thanh T3; gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,2620 gam Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 96/CT-VKSCT ngày 28/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Lê Văn T và bị cáo Nguyễn Minh T2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với hai bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù, phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng như Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đã thực hiện theo đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng hay các quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Xét về tố tụng các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện một cách đầy đủ và đúng theo qui định của luật tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, hai bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Minh T2 hoàn toàn khai nhận: Vào khoảng 21 giờ ngày 15/5/2020, sau khi được K1 đưa cho 200.000đồng và kêu đi mua ma túy về sử dụng, Lê Văn T đã rủ Nguyễn Minh T2 cùng đi thì được T2 đồng ý. Nguyễn Minh T2 điều khiển xe mô tô biển số 63B9-362.73 của K1 chở Lê Văn T đến nhà của Nguyễn Hồng P1 (tên thường gọi là BC) ngụ ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang mua ma túy với số tiền là 200.000đồng. Sau khi có được ma túy cả hai điều khiển xe quay về, trên đường về thì bị lực lượng công an kiểm tra và bắt quả tang, lượng ma túy các bị cáo cất giấu trong người có khối lượng là 0,2620 gam, loại Methamphetamine. Lời nhận tội của hai bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ yếu tố để cấu thành tội, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hai bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Minh T2 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Xét thấy các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Minh T2 là người có đủ năng lực để nhận thức được hành vi của mình và hai bị cáo cũng ý thức được ma túy là chất độc gây nghiện, người sử dụng ma túy sẽ không kiểm chế được hành vi của mình dễ đi vào con đường phạm tội và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh những căn bệnh nguy hiểm khác cho xã hội. Bản thân vẫn ý thức được điều này nhưng hai bị cáo vẫn bất chấp và cố tình tìm đến ma túy. Nhằm để thỏa mãn cho những cơn nghiện, vào khoảng 21 giờ ngày 15/5/2020 sau khi được K1 đưa 200.000đồng và kêu đi mua ma túy về sử dụng, bị cáo T đã rủ bị cáo T2 cùng đi, không ngần ngại bị cáo T2 đã sử dụng xe mô tô biển số 63B9-362.73 của K1 chở T đến nhà của Nguyễn Hồng P1 ngụ ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang mua ma túy để về cùng nhau sử dụng, khi trên đường về thì bị phát hiện và bị bắt quả tang. Hai bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Minh T2 tuy cùng thống nhất thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc phân công nhau trước, hai bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó gây ảnh hưởng đến tình hình quản lý an ninh trật tự tại địa phương và hành vi này còn ảnh hưởng đến quyền quản lý độc quyền của Nhà nước ta đối với các chất ma túy. Với hành vi này Hội đồng xét xử cần phải nghiêm trị để răn đe và giáo dục cho bị cáo ý thức chấp hành pháp luật.

[4] Xét thấy các bị cáo có thật thà thú nhận hành vi phạm tội của mình, bản thân không tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Bị cáo T có bà ngoại được phong tặng danh hiệu là Mẹ Việt Nam anh hùng, có hai cậu ruột là liệt sĩ, cha mẹ là người có công với cách mạng, bản thân bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội. Bị cáo T2 có cha là thương binh 4/4 được tặng thưởng Huân chương Chiến Công hạng ba, Hội đồng xét xử xem đây là các tình tiết để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Đối với đối tượng tên Nguyễn Thanh K1 người đưa tiền cho bị cáo T và bị cáo T2 đi mua ma túy, qua điều tra xác minh K1 không có mặt tại địa phương nên cơ quan công an tách ra để tiếp tục xác minh xử lý sau là có căn cứ.

[6] Đối với Nguyễn Hồng P1 theo bị cáo khai có tên gọi là BC người bán ma túy cho hai bị cáo nhưng qua xác minh đối tượng Nguyễn Hồng P1 thường xuyên vắng nhà, không có mặt tại địa phương nên cơ quan Công an không tiến hành mời làm việc được, vì vậy cơ quan điều tra công an huyện Châu Thành tiếp tục điều tra để xử lý sau là có căn cứ.

[7] Về vật chứng:

[7.1] Một điện thoại di động mặt sau có ghi chữ OPPO và một điện thoại di động Wiko là tài sản riêng của bị cáo Nguyễn Minh T2 không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành đã xử lý bằng cách trao trả lại cho bị cáo T2 là có căn cứ.

[7.2] Đối với xe mô tô biển số 63B9-362.73 do anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1985 ngụ ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu, anh N1 đã bán xe này cho bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1967 ngụ ấp T, xã DĐ huyện CT, tỉnh Tiền Giang (là mẹ ruột của Nguyễn Thanh K1), hai bên mua bán không làm giấy tờ. Việc K1 mượn xe của bà S và sau đó bị cáo T2 và bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy bà S không biết, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần trao trả xe mô tô biển số 63B9-362.73 cho bà Nguyễn Thị Bé S là có căn cứ và phù hợp.

[7.3] Đối với số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 bì thư có ký hiệu vụ số: 108 ghi ngày 18 tháng 5 năm 2020, có chữ ký in họ tên giám định viên Nguyễn Thị Kiều Linh, trợ lý giám định Nguyễn Quốc Phong, chữ ký ghi họ tên bên nhận Nguyễn Ngọc Diệp và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tiền Giang là vật cấm tàng trữ cần tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Minh T2 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

1/ Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249 điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17 và điều 38 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Lê Văn T 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 16/5/2020.

Phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 16/5/2020.

2/ Về vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều a khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho bà Nguyễn Thị Bé S 01 xe mô tô hai bánh biển số 63B9-362.73.

Tịch thu tiêu hủy 0,2421 gam ma túy còn lại sau giám định loại Methamphetamine và 01 vỏ bao gói ny lon màu trắng đã bị cắt một đầu, tất cả được để trong một bì thư được niêm phong có ký hiệu vụ số: 108 ghi ngày 18 tháng 5 năm 2020, có chữ ký in họ tên giám định viên Nguyễn Thị Kiều Linh, trợ lý giám định Nguyễn Quốc Phong, chữ ký ghi họ tên bên nhận Nguyễn Ngọc Điệp và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tiền Giang.

(Vật chứng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành).

3/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu là 200.000đồng.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG
- VKSND HCT
- Chi cục THADS HCT
- Bị cáo; Người có QLNVLQ
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trương Thị Tuyết Linh